

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/DS-ST

Ngày: 18-5-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo; Bà Nguyễn Thị Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
ông Trần Anh Văn – Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2019/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức A, sinh năm 1985; Địa chỉ: khu phố 9, phường LP, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước *(có mặt)*.

Bị đơn: Bà Kiều Thị B, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn 8, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước *(có mặt)*.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Sỹ C, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn 8, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay: Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước *(có đơn xin giải quyết vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2020 và lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Đức A trình bày:

Vào ngày 05 tháng 9 năm 2018, vợ chồng bà Kiều Thị B và ông Lê Sỹ C cần số tiền để trả cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh thị xã Phước Long nên đã đến vay của tôi số tiền là 4.753.083.334 đồng, thời hạn vay là 90 ngày với mức lãi suất các bên tự thoả thuận. Sau khi trả nợ xong cho Ngân hàng thì vợ

chồng bà B, ông C vẫn chưa trả được số tiền nêu trên cho tôi. Để đảm bảo cho khoản vay, bà B đã cùng tôi đến Văn phòng Công chứng Phạm Văn Thơm vào ngày 02 tháng 7 năm 2019 để lập lại hợp đồng vay tiền tại số công chứng 05127. Đồng thời, để đảm bảo cho khoản vay này bà B đã thế chấp cho tôi 02 Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản trên đất gồm: 01 diện tích đất 52.859 m² tọa lạc tại thôn 6, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện Bù Gia Mập cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BH391273 cho ông Lê Sỹ C, bà Kiều Thị B ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 01 diện tích đất 12.130 m² tọa lạc tại thôn 7, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện Phước Long (cũ) cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AA185991 cho hộ ông Lê Sỹ C ngày 27 tháng 8 năm 2004. Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ mặc dù tôi đã đi đòi nhiều lần mà vợ chồng bà B, ông C vẫn không trả nợ cho tôi số tiền gốc và lãi đã vay. Vì vậy, nay tôi yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà B, ông C phải có trách nhiệm liên đới trả cho tôi số tiền gốc đã vay là 4.753.083.334 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật là 01%/tháng tính từ ngày 05 tháng 9 năm 2018 cho đến khi kết thúc vụ án.

Trường hợp vợ chồng bà B, ông C không trả được số tiền gốc và lãi cho tôi thì tôi yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ gốc và lãi.

Tại bản tự khai lập ngày 10 tháng 02 năm 2020; Biên bản lấy lời khai lập ngày 14 tháng 9 năm 2020 và lời trình bày của bị đơn bà Kiều Thị B tại phiên tòa được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05 tháng 9 năm 2018, tôi có đến nhà ông Nguyễn Đức A vay số tiền 4.753.083.334 đồng để đáo hạn Ngân hàng, thời hạn vay là 90 ngày thì tôi sẽ trả số tiền gốc và lãi là 01%/tháng (theo lãi suất của ngân hàng). Tuy nhiên, do khó khăn nên tôi chưa trả được số tiền nêu trên cho ông A. Để đảm bảo cho khoản vay này thì vào ngày 02 tháng 7 năm 2019, tôi và ông Nguyễn Đức A lập lại hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng Phạm Văn Thơm. Đồng thời, tôi đã thế chấp 02 Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản trên đất cho ông A gồm: 01 diện tích đất 52.859 m² tọa lạc tại thôn 6, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện Bù Gia Mập cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BH391273 cho ông Lê Sỹ C, bà Kiều Thị B ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 01 diện tích đất 12.130 m² tọa lạc tại thôn 7, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện Phước Long (cũ) cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AA185991 cho hộ ông Lê Sỹ C ngày 27 tháng 8 năm 2004. Nay đã quá hạn trả nợ nhưng do gặp khó khăn tôi chưa trả được cho ông A được một khoảng tiền gốc và lãi nào. Vậy nay ông A khởi kiện tôi ra Tòa yêu cầu tôi phải trả cho ông A số tiền gốc đã vay là 4.753.083.334 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 05 tháng 9 năm 2018 cho đến khi kết thúc vụ án thì tôi đồng ý.

Tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 09 tháng 9 năm 2020, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Sỹ C trình bày được tóm tắt như sau:

Vào ngày 05 tháng 9 năm 2018 vợ chồng tôi có vay của ông Nguyễn Đức A số tiền là 4.753.083.334 đồng để đáo hạn Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh thị xã Phước Long. Khi vay tiền của ông A thì vợ tôi là bà Kiều Thị B có lập hợp đồng vay tiền với ông A và tôi có nghe vợ tôi nói về việc này, còn việc thỏa thuận lãi suất như thế nào thì tôi không biết. Từ khi vay cho đến nay, vợ chồng tôi chưa trả cho ông A được một khoản tiền gốc và lãi nào. Để đảm bảo khoản vay, thì vợ chồng tôi có thể chấp 02 Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản trên đất gồm diện tích đất 52.859 m² tại thôn 6, xã BT, huyện Bù Gia Mập và 01 diện tích đất 12.130 m² tại thôn 7, xã BT, huyện Bù Gia Mập. Nay, do ông A khởi kiện buộc vợ chồng tôi phải trả cho ông A số tiền gốc là 4.753.083.334 đồng và tiền lãi tính từ ngày 05 tháng 9 năm 2018 cho đến khi kết thúc vụ án với mức lãi là 01%/tháng thì tôi đồng ý. Do hiện nay tôi đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Phước nên tôi xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

Ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức A. Buộc bà Kiều Thị Thúy và ông Lê Sỹ C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Đức A số tiền gốc 4.753.083.334 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất, phần xử lý tài sản thế chấp do ông A đã tự nguyện rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” do nguyên đơn ông Nguyễn Đức A thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn bà Kiều Thị Thùy có địa chỉ cư trú tại huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thủ tục giải quyết vắng mặt:* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Sỹ C có đơn xin giải quyết vắng mặt. Quá trình thu thập chứng cứ, ông C đã có lời khai và nêu rõ về nội dung vay nợ. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

[2.1] *Về tiền nợ gốc:* Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đức A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn là bà Kiều Thị B và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Sỹ C có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền gốc vay 4.753.083.334 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mặc dù, tại phiên tòa vắng mặt ông C, Tuy nhiên, căn cứ vào lời thừa nhận của bà B, ông C trong quá trình thu thập chứng cứ, lời trình bày của bà B tại phiên tòa, căn cứ vào hợp đồng vay tiền lập ngày 02 tháng 7 năm 2019 được xác lập và chứng thực của Văn phòng Công chứng Phạm Văn Thơm, tỉnh Bình Phước thì việc giao kết hợp đồng giữa các đương sự là có thật trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự được quy định tại các Điều 385, 401, 463 Bộ Luật dân sự. Việc bà B vay tiền của ông A nhằm mục đích trả nợ cho Ngân hàng mà bà và ông C đã vay trước đó. Quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản, bà B, ông C có thể chấp tài sản là 02 Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản trên đất cho ông A gồm: 01 diện tích đất 52.859 m² tọa lạc tại thôn 6, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện Bù Gia Mập cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BH391273 cho ông Lê Sỹ C, bà Kiều Thị B ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 01 diện tích đất 12.130 m² tọa lạc tại thôn 7, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện Phước Long (cũ) cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AA185991 cho hộ ông Lê Sỹ C ngày 27 tháng 8 năm 2004. Đến nay bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trả nợ, mặc dù ông A đã đi đòi nhiều lần. Vì vậy, đối với yêu cầu của nguyên đơn là ông A yêu cầu bà B và ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc đã vay là 4.753.083.334 đồng là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] *Về lãi suất:* Trong quá trình khởi kiện và thu thập chứng cứ, ông A yêu cầu bà B và ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi với mức lãi suất là 01%/tháng của tổng số tiền vay là 4.753.083.334 đồng được tính từ khi cho vay đến khi giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên tại phiên tòa, qua phân tích của HĐXX, ông A rút yêu cầu tính lãi mà chỉ yêu cầu B, ông C liên đới trả tiền gốc. Xét thấy, đây là thiện chí của ông A trên tinh thần tự nguyện nên được HĐXX chấp nhận yêu cầu này. Do ông A rút yêu cầu khởi kiện về tiền lãi nên cần đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án.

[2.3] Đối với yêu cầu của ông A về việc xử lý tài sản mà bà B đã thế chấp là 02 Giấy chứng nhận QSDĐ và tài sản gắn liền với đất gồm: 01 diện tích đất 52.859 m² tọa lạc tại thôn 6, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã được UBND

huyện Bù Gia Mập cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BH391273 cho ông Lê Sỹ C, bà Kiều Thị B ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 01 diện tích đất 12.130 m² tọa lạc tại thôn 7, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện Phước Long (cũ) cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AA185991 cho hộ ông Lê Sỹ C ngày 27 tháng 8 năm 2004 trong trường hợp bà B và ông C không thanh toán được nợ. HĐXX xét thấy, 02 loại tài sản nêu trên bà B thế chấp cho ông A thì hiện nay đang có liên quan đến vụ án khác. Hơn nữa, vào ngày 19 tháng 4 năm 2021, ông A có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần này và không tiếp tục yêu cầu xử lý tài sản mà bà B đã thế chấp. Xét thấy, đây là thiện chí trên tinh thần tự nguyện của ông A nên HĐXX chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này và đình chỉ một phần việc giải quyết vụ án của ông A.

[3] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B, ông C liên đới phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; 227; 217 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 385, 401, 463, 466, 288 của Bộ Luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức A về tranh "Hợp đồng vay tài sản".

2. Tuyên xử:

Buộc bà Kiều Thị B và ông Lê Sỹ C phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Đức A số gốc đã vay là 4.753.083.334 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức A về lãi suất và xử lý tài sản mà bà Kiều Thị B đã thế chấp là 02 Giấy chứng nhận QSDĐ gồm: 01 diện tích đất 52.859 m² tọa lạc tại thôn 6, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện Bù Gia Mập cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số BH391273 cho ông Lê Sỹ C, bà Kiều Thị B ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 01 diện tích đất 12.130 m² tọa lạc tại thôn 7, xã BT, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện Phước Long (cũ) cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số AA185991 cho hộ ông Lê Sỹ C ngày 27 tháng 8 năm 2004.

3. Án phí DSST: Bà Kiều Thị B và ông Lê Sỹ C liên đới phải nộp 112.753.083 đồng.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 56.684.000 đồng do ông Nguyễn Đức A đã nộp theo biên lai thu số 0019079 ngày 02 tháng 12 năm 2029 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh